

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN LÊ NGUYỄN DUNG**

**MỞ RỘNG CHO VAY KINH TẾ TRANG TRẠI TẠI  
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI**

**Chuyên ngành: Tài Chính – Ngân hàng**

**Mã số : 60.34.20**

**TÓM TẮT**  
**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Người hướng dẫn khoa học : TS. TÓNG THIÊN PHƯỚC**

**Phản biện 1: TS Nguyễn Hiệp**

**Phản biện 2: TS Nguyễn Trường Giang**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 15 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại :

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, loại hình KTTT đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Để tạo điều kiện cho KTTT phát triển hơn nữa, bên cạnh những chính sách về đất đai, về nguồn nhân lực, ... chính sách tín dụng NH đối với phát triển KTTT cũng đã được nghiên cứu, đề xuất nhằm hỗ trợ cho loại hình kinh tế này phát triển. Trên thực tế chính sách này đã phát huy tác dụng và mang lại những thành quả rất lớn đối với nền kinh tế, và hệ thống NHTM.

Trong thời gian qua, xác định được nhiệm vụ và phương hướng hoạt động, cùng với nhận thấy được tiềm năng phát triển KTTT trên địa bàn. NHNo&PTNT tỉnh Quảng Ngãi đã đẩy mạnh cho vay KTTT và đã đạt được những thành công đáng kể. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khác nhau việc cho vay KTTT của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có.

Lý giải cho vấn đề trên, chính là việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng NH của các chủ trang trại còn hạn chế do vướng mắc về cơ chế đảm bảo tiền vay, đối tượng vay vốn, phương thức cho vay...

Xuất phát từ thực tiễn trên, nhằm đẩy mạnh hoạt động cho vay đối với KTTT tạo điều kiện cho KTTT phát triển đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh của NH góp phần vào sự phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế.

Vì vậy, tôi chọn đề tài “**Mở rộng cho vay KTTT tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**” làm luận văn tốt nghiệp cao học.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về tín dụng NH nói chung và cho vay KTTT nói riêng, vận dụng vào tình hình thực tiễn của NHNo&PTNT chi nhánh Quảng Ngãi, đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế trong công tác mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh Quảng Ngãi. Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chính của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về mở rộng cho vay KTTT tại NHNo & PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là đi sâu vào nghiên cứu giải pháp mở rộng cho vay KTTT tại NHNo & PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi. Dựa vào các dữ liệu trong bốn năm từ 2009 đến 2012.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng; phương pháp suy luận logic như: hệ thống hóa, khái quát hóa, phân tích và tổng hợp; phương pháp thống kê như: tổng hợp thống kê, phân tích thống kê; ngoài ra luận văn còn dùng phương pháp điều tra xã hội học để làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

## **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và các bảng biểu, nội dung chính của đề tài được kết cấu theo 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về mở rộng cho vay KTTT của NHTM.

Chương 2: Thực trạng mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 3: Giải pháp mở rộng cho vay KTTT tại NHNo & PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

## **6. Tổng quan tài liệu**

Đề tài và bài báo có nội dung chính liên quan đến vấn đề tác giả đang nghiên cứu là luận văn thạc sỹ “Phát triển kinh tế trang trại tỉnh Quảng Ngãi” của tác giả Trần Đình Trân thực hiện tại trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng; luận án tiến sỹ “Giải pháp tín dụng ngân hàng nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam” của tác giả Phạm Hoài Bắc thực hiện; luận án tiến sỹ “Giải pháp tín dụng ngân hàng nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn Tây Nguyên” tác giả Nguyễn Thị Tầm thực hiện tại Học viện Ngân hàng; bài báo “Tháo gỡ khó khăn trong chính sách tín dụng - Giải quyết bài toán về “khát vốn” của tác giả TS. Lê Xuân Lãm; bài báo “NHNo&PTNT với những giải pháp về vốn nhằm phát triển kinh tế trang trại” của tác giả Phạm Hoài Bắc; công trình nghiên cứu khoa học “Thực trạng và giải pháp phát triển KTTT trong thời kỳ CNH, HĐH ở Việt Nam” do GS.TS Nguyễn Đình Hương chủ biên.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MỞ RỘNG CHO VAY**

#### **KINH TẾ TRANG TRẠI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

#### **1.1. KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG CHO VAY KINH TẾ TRANG TRẠI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

##### **1.1.1. Tín dụng ngân hàng thương mại**

##### *a. Khái niệm tín dụng ngân hàng*

##### *b. Phân loại tín dụng ngân hàng*

### ***c. Nguyên tắc và điều kiện vay vốn***

#### **1.1.2. Hoạt động cho vay KTTT của NHTM**

##### ***a. KTTT và vai trò của KTTT đối với nền kinh tế***

###### ***❖ Khái niệm KTTT***

“KTTT là hình thức tổ chức SX hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình. Nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả SX trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn SX và chế biến với tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản”.

###### ***❖ Tiêu chí xác định KTTT***

➤ *Về đất đai:* Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, SX tổng hợp phải đạt diện tích trên mức tối thiểu 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long; 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại. Đối với cơ sở SX lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha

➤ *Về giá trị sản lượng:* Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, SX tổng hợp phải đạt từ 700 triệu đồng/năm trở lên. Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên. Đối với cơ sở SX lâm nghiệp phải đạt từ 500 triệu đồng/năm trở lên.

###### ***❖ Đặc trưng của KTTT***

###### ***❖ Vai trò của KTTT đối với nền kinh tế***

Ở nước ta, KTTT mặc dù mới phát triển trong những năm gần đây, song vai trò tích cực và quan trọng của KTTT đã thể hiện rõ nét cả về kinh tế cũng như về mặt xã hội và môi trường, cụ thể bao gồm những vai trò: Một là KTTT góp phần tạo ra sự đột phá trong quá trình SX hàng hóa ở nông thôn. Hai là KTTT góp phần nâng cao hiệu quả, năng suất cây trồng, vật nuôi. Ba là KTTT góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Bốn là KTTT góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

### ***b. Đặc điểm cho vay KTTT của NHTM***

Cho vay KTTT là hình thức cấp tín dụng của NHTM trong đó, NH cho vay đối với các khách hàng là cá nhân, hộ SX đáp ứng đủ điều kiện của KTTT để trang trải chi phí, đầu tư phát triển SX, kinh doanh, chế biến trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.

#### ***Cho vay KTTT có những đặc điểm sau:***

+ ***Khách hàng vay:*** là các khách hàng làm KTTT, các chủ trang trại(cá nhân, hộ gia đình) thực hiện kinh doanh, SX trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp với quy mô lớn, phù hợp với quy định của pháp luật.

+ ***Mục đích vay:*** NH cho vay để thực hiện các mục đích như kinhdoanh,SX, chế biến, cung ứng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; cho vay phát triển ngành nghề, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ SX...

+ ***Quy mô và số lượng các khoản vay:*** quy mô khoản vay trong cho vay KTTT thường lớn.

+ ***Thời hạn cho vay:*** Đối với cho vay KTTT, thời hạn cho vay thường dài hơn so với cho vay kinh tế hộ.

+ ***Nguồn trả nợ:*** nguồn trả nợ chủ yếu của các trang trại là tiền thu được qua quá trình tiêu thụ nông sản, các sản phẩm chế biến có liên quan đến nông sản.

+ ***Lãi suất cho vay:*** Khi cho vay các đối tượng chính sách, các chương trình kinh tế ở nông thôn theo chỉ định của Chính phủ; cho vay bằng nguồn vốn của Chính phủ hoặc các tổ chức, các nhân khác; NH cho vay thực hiện mức lãi suất theo quy định của Chính phủ hoặc theo thỏa thuận với bên ủy thác. Các khoản vay khác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; NH cho vay thực hiện mức lãi suất theo cơ chế tín dụng thương mại trong từng thời kỳ.

+ **Rủi ro:** trong cho vay KTTT, NH thường gặp rủi ro khách hàng không trả được nợ. Trong các trường hợp khách hàng gặp khó khăn về tài chính do sản phẩm, hàng hóa không tiêu thụ được.

## **1.2.MỞ RỘNG CHO VAY KTTT CỦA NHTM**

### **1.2.1. Nội dung mở rộng cho vay KTTT**

Mở rộng cho vay KTTT là quá trình NH tăng quy mô cho vay KTTT thông qua tăng trưởng dư nợ cho vay, đổi mới và đa dạng hóa cơ cấu cho vay phù hợp với những đặc điểm của thị trường, hoàn thiện và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ cho vay, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.

Để mở rộng cho vay KTTT hiệu quả đòi hỏi phải có sự kết hợp đầy đủ giữa các yếu tố: Phát triển quy mô tín dụng KTTT, đảm bảo hiệu quả tín dụng KTTT, kiểm soát rủi ro.

### **1.2.2. Các tiêu chí đánh giá mở rộng cho vay KTTT của NHTM**

- a. Tăng trưởng dư nợ cho vay KTTT*
- b. Tăng trưởng số lượng khách hàng trang trại của NH*
- c. Mức tăng dư nợ bình quân trên một khách hàng KTTT*
- d. Mức độ tăng trưởng của thị phần cho vay KTTT của NH trên thị trường mục tiêu*
- e. Tăng trưởng thu nhập cho vay KTTT của NH*
- f. Sự hợp lý hóa, đa dạng hóa trong cơ cấu cho vay KTTT*
- g. Kiểm soát rủi ro trong cho vay KTTT*

## **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHO VAY KTTT**

### **1.3.1. Nhân tố bên ngoài.**

- a. Môi trường tự nhiên*
- b. Môi trường kinh tế - xã hội*
- c. Môi trường pháp lý*



*d. Nhân tố thuộc về khách hàng*

**1.3.2. Nhân tố bên trong**

*a. Chính sách, thủ tục cho vay áp dụng đối với khách hàng KTTT của NH.*

*b. Năng lực về tài chính, về cơ sở vật chất, mạng lưới hoạt động của NH, nguồn nhân lực của NH.*

*c. Năng lực kiểm soát rủi ro tín dụng của NH.*

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY KTTT**

**TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN**

**NÔNG THÔN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI.**

**2.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NHNo&PTNT CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI.**

**2.1.1. Đặc điểm quá trình hình thành, chức năng, nhiệm vụ của NHNo&PTNT VN**

**2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**

**2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**

**2.2. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG CHO VAY KTTT TẠI NHNo&PTNT CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI.**

**2.2.1. Tình hình chung về cho vay KTTT**

Tình hình chung về cho vay KTTT của NH được thể hiện qua bảng 2.4 như sau:

**Bảng 2.4. Tình hình chung về cho vay KTTT***Đơn vị tính: Tỷ đồng, %*

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2011/2010		2012/2011	
					+(-)	%	+(-)	%
<b>Tổng dư nợ</b>	2.853	3.391	3.654	4.125	263	7,8	471	12,9
<b>Dư nợ cho vay KTTT</b>	352	445	525	617	80	18	92	17,5
<b>Tỷ trọng dư nợ cho vay KTTT/Tổng dư nợ(%)</b>	12,33	13,12	14,38	14,96	1,26	-	0,58	-

(Nguồn: Báo cáo thường niên của NHNo&PTNT Quảng Ngãi và tính toán của tác giả)

Trong giai đoạn từ 2009 – 2012, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và khu vực, hoạt động cho vay của NH cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, NH đã tích cực triển khai các chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất như Quyết định 131/QĐ – TTg, Quyết định 497/QĐ – TTg, Nghị định số 41/2010/NĐ – CP, Quyết định 63/2010/QĐ-TTg nhằm tháo gỡ khó khăn cho khách hàng, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận vốn vay.

Tỷ trọng cho vay KTTT của NH trong giai đoạn 2009 – 2012 ở mức 12% đến 14%. Nhìn chung, dư nợ cho vay KTTT chiếm tỷ lệ thấp trong tổng dư nợ.

### **2.2.2. Thực trạng mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**

#### **a. Tăng trưởng dư nợ**

Tình hình dư nợ của các chi nhánh được thể hiện ở bảng 2.5:

**Bảng 2.5. Dư nợ cho vay KTTT tại các chi nhánh  
trực thuộc NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**

**Đơn vị tính: Tỷ đồng**

<b>Chi nhánh</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
1.Hội sở chính	38,72	66,75	84,01	114,15
2.Tư Nghĩa	15,60	23,45	25,46	31,75
3.Mộ Đức	33,91	47,58	55,51	61,72
4.Đức Phổ	21,12	24,84	26,25	30,85
5.Ba Tơ	23,53	27,02	42,05	43,19
6.Bình Sơn	31,68	45,52	52,36	60,25
7.Minh Long	19,12	21,14	27,78	32,65
8.Lý Sơn	11,36	16,83	21,89	24,68
9.Trà Bồng	29,52	31,15	32,52	34,05
10.Tây Trà	15,08	17,29	20,26	24,43
11.Sơn Tịnh	25,37	27,03	33,58	35,02
12.Sơn Tây	21,6	24,27	22,76	25,76
13.Sơn Hà	20,15	21,05	23,45	33,75
14.Nghĩa Hành	29,16	33,27	36,34	40,11
15.TP. Quảng Ngãi	16,08	17,81	20,78	24,64
<b>Tổng</b>	<b>352</b>	<b>445</b>	<b>525</b>	<b>617</b>

*(Nguồn: Báo cáo thường niên của NHNo&PTNT Quảng Ngãi)*

Dư nợ cho vay KTTT của các chi nhánh trong giai đoạn 2009 – 2012 đều tăng, tuy nhiên mức tăng trưởng không đồng đều. Các chi nhánh có mức dư nợ cho vay KTTT chiếm tỷ lệ cao và tăng trưởng mạnh là Hội Sở Chính, Mộ Đức và Bình Sơn. Trong đó, tăng trưởng lớn nhất là Hội sở chính, năm 2012 tăng 69% so với kế hoạch được giao.

Các chi nhánh còn lại có mức tăng trưởng thấp. Đáng chú ý là một số chi nhánh có tiềm năng phát triển KTTT như Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà nhưng lại có mức tăng trưởng dư nợ cho vay KTTT thấp. Khó khăn trong việc cho vay của các chi nhánh này tập trung ở các vấn đề:

+ Thực hiện tăng trưởng dư nợ đi đôi với tăng trưởng nguồn vốn đối với các chi nhánh miền núi là hết sức khó khăn, vì các chi nhánh này không chủ động được nguồn vốn tại chỗ.

+ Lãi suất cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn tương đối cao, nên không thu hút được nhiều nông dân vay vốn.

+ Hiện nay, các NH này còn gặp khó khăn trong việc cho vay thông qua tổ vay vốn, không kết hợp tốt với Hội Nông dân, Hội Phụ nữ.

+ Quản lý hạn mức dư nợ tự động trên IPICAS đã làm ảnh hưởng đến việc giải ngân cho khách hàng.

+ Khả năng quảng bá, marketing còn yếu, giao tiếp với khách hàng còn thiếu tính chuyên nghiệp.

Năm 2012 dư nợ cho vay KTTT của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi là 617 tỷ đồng, tăng 265 tỷ đồng so với năm 2009, tốc độ tăng bình quân là 25%. Mức tăng trưởng này nhìn chung vẫn còn thấp so với tiềm năng về phát triển KTTT của địa bàn và ưu thế về cho vay nông nghiệp-nông thôn của NHNo&PTNT VN.

### ***b. Mức độ đa dạng hóa trong cơ cấu cho vay KTTT***

#### ***❖ Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn***

Trong giai đoạn 2009 -2012, dư nợ ngắn hạn và dư nợ trung dài hạn đều tăng, tuy nhiên dư nợ trung, dài hạn có xu hướng tăng nhanh hơn so với mức tăng của dư nợ ngắn hạn. Đến ngày 31/12/2012 dư nợ ngắn hạn đạt 264 tỷ đồng, chiếm 42,8% trong dư

nợ cho vay KTTT, tốc độ tăng bình quân là 23%. Trong khi đó, dư nợ trung, dài hạn đạt 353 tỷ đồng, chiếm 57,2% trong dư nợ cho vay KTTT, tốc độ tăng bình quân là 36,3%.

Như vậy, một đặc điểm trong cho vay KTTT của NH là tỷ trọng cho vay trung dài hạn cao hơn tỷ trọng cho vay ngắn hạn điều này phù hợp với đặc điểm nhu cầu vốn của KTTT. Do đó, NH cần tháo gỡ những khó khăn hiện tại, duy trì được tỷ trọng cho vay trung, dài hạn trong cơ cấu dư nợ cho vay KTTT của NH.

#### **❖ Cơ cấu dư nợ theo ngành nghề**

Xét về cơ cấu cho vay theo ngành, tỷ trọng dư nợ cho vay ngành nông nghiệp cao nhất chiếm đến 34,7% trong năm 2009. Các trang trại trong lĩnh vực này vay vốn chủ yếu tập trung đầu tư vào các chi phí như: phân bón, mua giống, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm... Một số trang trại còn đầu tư vào cơ sở hạ tầng như chuồng trại, máy móc thiết bị... Tuy nhiên, tỷ lệ dư nợ của ngành này có giảm trong những năm sau, do tình trạng dịch bệnh ở vật nuôi và năng suất cây trồng giảm như đã phân tích ở trên.

Đứng sau cho vay ngành nông nghiệp là thủy sản, tỷ lệ của ngành này có xu hướng tăng theo thời gian, năm 2012 chiếm tỷ trọng là 30,5%.

Dư nợ ngành Lâm nghiệp chỉ chiếm tỷ lệ thứ 3 và ít biến động qua các năm, cụ thể năm 2012 dư nợ của ngành này chiếm tỷ lệ 25,7% trong dư nợ cho vay KTTT, tăng 12% so với năm 2011.

Dư nợ ngành SXKD tổng hợp chiếm tỷ lệ thấp và tăng ít qua các năm, một phần do số lượng khách hàng ít, năm 2012, tỷ lệ dư nợ ngành này chỉ chiếm 15% trong dư nợ cho vay KTTT. Điều này cho thấy việc cho vay chưa thật sự phát huy được vai trò trong việc thúc đẩy SX, kinh doanh, chế biến sản phẩm nông sản.

### **❖ Cơ cấu theo hình thức bảo đảm tiền vay**

Đặc điểm trong cho vay KTTT của chi nhánh là cho vay có tài sản đảm bảo chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ cho vay KTTT, cả ba năm tỷ trọng này đều vượt trên 70%. Trong đó, phần lớn tài sản đảm bảo tiền vay của khách hàng là thế chấp quyền sử dụng đất, cầm cố giấy tờ có giá và một phần là tài sản hình thành từ vốn vay.

### **c. Tăng trưởng số lượng khách hàng KTTT của Ngân hàng**

Trong hai năm 2011, 2012 số lượng khách hàng KTTT đều tăng với tốc độ khoảng 10%, thấp hơn tốc độ tăng của năm 2010. Năm 2012 số lượng khách hàng KTTT của NH là 126, chỉ tăng thêm 12 khách hàng so với năm 2011, tốc độ tăng là 10,5%. Để tăng quy mô khách hàng, NH đã tăng cường các hình thức như tiếp thị, quảng bá và tư vấn đối với các chủ trang trại. Nhưng NH gặp rất nhiều khó khăn bởi vì khả năng marketing còn yếu, giao tiếp với khách hàng còn thiếu tính chuyên nghiệp, nhất là đối với các chi nhánh miền núi. Trong khi đó, các trang trại lại tập trung phần lớn ở các huyện này.

### **d. Mức tăng trưởng dư nợ bình quân trên một khách hàng KTTT**

Nhìn chung, dư nợ bình quân trên một khách hàng KTTT trong giai đoạn 2009-2012 đối với tất cả các ngành nghề đều tăng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng là khác nhau ở các năm, các ngành nghề khác nhau cũng có mức tăng trưởng khác nhau. Năm 2012, mức tăng dư nợ bình quân trên một khách hàng của ngành nông nghiệp đạt 1,6%; ngành thủy sản đạt 17,1%; ngành lâm nghiệp đạt 12,2%; ngành SXKD tổng hợp đạt 4,6%.

### **e. Mức độ tăng trưởng của thị phần cho vay KTTT của NH trên thị trường mục tiêu**

Tình hình cho vay KTTT của các NH trên địa bàn là NHNo&PTNT luôn chiếm tỷ trọng cao nhất qua các năm, điều này

cho thấy NH đã phát huy được các ưu thế của mình trong cho vay KTTT nói riêng và cho vay nông nghiệp – nông thôn nói chung. Tỷ trọng này trong cả 4 năm đều trên 50%.

Thị phần cho vay KTTT của NH cổ phần Công thương, NH cổ phần Đầu tư và Phát triển cũng luôn được giữ vững và có mức tăng trưởng qua các năm. Đối với NH Chính Sách Xã Hội, cho vay làm KTTT tập trung vào một số đối tượng như đoàn viên thanh niên trẻ, các cựu chiến binh có phương án sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, trồng trọt khả thi. Các NH còn lại là NH cổ phần Sacombank và NH cổ phần Ngoại thương chiếm tỷ trọng không đáng kể.

***f. Mức tăng trưởng thu nhập từ hoạt động cho vay KTTT của NH***

Mặc dù tỷ trọng cho vay KTTT chiếm tỷ lệ thấp nhưng thu nhập từ cho vay KTTT cũng góp phần tích cực trong tổng thu nhập của NH. Nhất là trong bối cảnh cho vay các lĩnh vực khác gặp nhiều rủi ro và cạnh tranh gay gắt thì cho vay KTTT giúp cho NH đa dạng hóa danh mục đầu tư, làm tăng thu nhập an toàn và hiệu quả hơn.

Thu nhập và chi phí của hoạt động cho vay KTTT của NH trong giai đoạn 2009 – 2012 được thể hiện trong bảng 2.13 như sau:

***Bảng 2.13. Thu nhập, chi phí của hoạt động cho vay KTTT giai đoạn 2009-2012***

*Đơn vị tính: Tỷ đồng, %*

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2011/2010		2012/2011	
					+(-)	%	+(-)	%
Thu nhập	52,8	62,3	73,5	67,8	11,2	18	-5,7	-7,7
Chi phí	37,8	35,7	40,5	31,5	9,8	27	-9	-22
Kết quả kinh doanh	15	26,6	33	36,3	6,4	24	3,3	10

*(Nguồn: Báo cáo thường niên của NHNo&PTNT Quảng Ngãi)*

Thu nhập cho vay KTTT năm 2012 đạt 67,8 tỷ đồng giảm 7,7% so với năm 2011. Thu nhập cho vay năm 2012 giảm vì lãi suất cho vay bình quân trong năm giảm.

Chi phí cho vay KTTT năm 2012 là 31,5 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2011, chi phí cho vay giảm vì lãi suất huy động năm 2012 giảm mạnh so với năm 2011.

Nhìn chung, lợi nhuận cho vay KTTT trong bốn năm 2009 – 2012 luôn tăng, năm 2012 lợi nhuận cho vay KTTT đạt 36,3 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2011. Đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh hoạt động kinh doanh của NH đều gặp khó khăn, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trong nước và thế giới.

***g. Về kiểm soát rủi ro trong cho vay KTTT***

Sự tăng trưởng và mở rộng tín dụng thường đi kèm với những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong tương lai. NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi cũng không thoát khỏi quy luật này. Tình hình nợ xấu trong cho vay KTTT của NH được thể hiện trong bảng 2.14 như sau:

***Bảng 2.14. Tình hình nợ xấu trong cho vay KTTT  
giai đoạn 2009 -2012***

*Đơn vị tính: Tỷ đồng, %*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>	<i>2011</i>	<i>2012</i>
<i>Dư nợ cho vay</i>	2.853	3.391	3.654	4.125
<i>Dư nợ cho vay KTTT</i>	352	445	525	617
<i>Nợ xấu</i>	37	51,2	60,4	80,2
<i>Nợ xấu KTTT</i>	3,8	5,0	6,2	7,5
<i>Tỷ lệ nợ xấu chung</i>	1,3	1,5	1,75	1,92
<i>Tỷ lệ nợ xấu cho vay KTTT</i>	1,09	1,12	1,20	1,26

*(Nguồn: Báo cáo thường niên của NHNo&PTNT Quảng Ngãi và tính toán của tác giả)*



Nhìn chung, trong giai đoạn 2009 – 2012 thì tốc độ tăng của tỷ lệ nợ xấu chung là cao hơn so với tỷ lệ nợ xấu cho vay KTTT. Nguyên nhân là trong giai đoạn này do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên hoạt động tín dụng của NH bị ảnh hưởng rất lớn. Hầu hết, các thành phần kinh tế đều gặp khó khăn, kinh doanh thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên tỷ lệ nợ xấu chung tăng cao. Năm 2012 tỷ lệ nợ xấu cho vay KTTT là 1,26%, tỷ lệ nợ xấu chung là 1,92%.

Như vậy, trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp khó khăn, thì cho vay KTTT là an toàn hơn so với cho vay các lĩnh vực khác. Do đó, NH nên có biện pháp đẩy mạnh cho vay loại hình này.

### **2.2.3. Đánh giá tình hình mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**

#### ***a. Những thành quả đạt được***

#### ***b. Những hạn chế và nguyên nhân***

##### **❖ *Hạn chế:***

- Vốn vay thường xuyên gặp những rủi ro bất khả nên dễ dẫn đến phát sinh nợ xấu.
- Khó mở rộng thị phần cho vay trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng diễn ra gay gắt.
- Một số chi nhánh chưa khai thác hết khách hàng tiềm năng tăng trưởng dư nợ cho vay thông qua Tổ vay vốn.
- Việc tư vấn, hỗ trợ khách hàng, đề xuất phê duyệt khoản vay chưa chính xác và khách quan.
- Tại một số chi nhánh, nguồn vốn cho vay thiếu ổn định, mất cơ hội tăng trưởng dư nợ.
- Chưa cung cấp thông tin kịp thời cho khách hàng, dẫn đến khách hàng chưa nắm rõ các quy định, thủ tục, hình thức vay vốn,...

- Khách hàng còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn. Điều này làm cho số lượng khách hàng đến vay vốn tại NH khó tăng trưởng.

***Để tìm hiểu khả năng tiếp cận nguồn vốn vay NH của các chủ trang trại, tác giả đã tiến hành điều tra, khảo sát thực tế khách hàng vay vốn.***

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, việc tiếp cận nguồn vốn NH của các chủ trang trại có một số đặc điểm:

- Khách hàng đánh giá cao ở các nội dung: về cách thức thu nợ của NH, thái độ phục vụ của nhân viên.

- Tuy nhiên, khách hàng được khảo sát cũng cho thấy các vấn đề cần phải hoàn thiện, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn NH như: về cơ chế đảm bảo tiền vay; về thủ tục cho vay; về đối tượng cho vay; về mức cho vay; về thời gian cho vay; về lãi suất cho vay; về địa điểm giao dịch; về tư vấn và hỗ trợ khách hàng.

**❖ Nguyên nhân:**

➤ ***Nguyên nhân xuất phát từ môi trường kinh doanh:***

Cho vay KTTT chịu tác động bởi các yếu tố tự khách quan như môi trường tự nhiên; sự cạnh tranh thị phần; sự bất cập của một số chính sách pháp luật.

➤ ***Nguyên nhân xuất phát từ bên trong ngân hàng:***

Một số nguyên nhân từ ngân hàng như cán bộ tín dụng ngại trách nhiệm trong việc cho vay, thiếu kiến thức về lĩnh vực nông nghiệp; nguồn vốn vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu; chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chuẩn mực quản trị tín dụng.

➤ ***Nguyên nhân xuất phát từ phía khách hàng:***

Khó khăn lớn hiện nay là một số khách hàng KTTT gặp khó khăn trong vấn đề tài sản đảm bảo. Ngoài ra, một khó khăn hiện nay

là một số khách hàng vay vốn tại NH để làm KTTT, SX kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gặp trở ngại trong việc được cấp giấy chứng nhận KTTT.

Bên cạnh đó, những nguyên nhân chủ quan xuất phát từ chính các chủ trang trại như phần lớn chủ trang trại gặp khó khăn trong SX kinh doanh; khách hàng có tâm lý trì hoãn việc trả nợ; số lượng khách hàng tham gia mua bảo hiểm nông nghiệp còn hạn chế.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### **CHƯƠNG 3**

#### **GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY KTTT**

#### **TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI**

##### **3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP**

**3.1.1. Định hướng hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT Việt Nam đến năm 2020**

**3.1.2. Định hướng mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi**

Định hướng của NHNo&PTNT VN là định hướng chung cho toàn hệ thống trong đó có chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi:

+Duy trì mức tăng trưởng hợp lý, ưu tiên vốn cho nông dân trong lĩnh vực nông, lâm, diêm nghiệp.

+ Triển khai thực hiện chính sách tín dụng của nhà nước và NHNo&PTNT VN nhất là tập trung triển khai 14 nhóm giải pháp của Ngân hàng đối với khu vực “tam nông”, mở rộng và nâng cao hiệu quả đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

+ Đẩy mạnh cho vay khép kín từ SX đến chế biến, tiêu thụ, trước hết tập trung vào các nông sản phẩm hàng hóa xuất khẩu, tạo ngoại tệ cho nền kinh tế như thủy sản, lương thực, ...

## **3.2. GIẢI PHÁP MỞ RỘNG CHO VAY KTTT TẠI NHNo&PTNT CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI**

### **3.2.1. Hoàn thiện chính sách khách hàng**

Để mở rộng cho vay KTTT, trước tiên cần phát triển quy mô tín dụng. Duy trì và khai thác tiềm năng khách hàng cũ, thu hút thêm khách hàng mới sẽ là điều kiện tăng trưởng dư nợ, qua đó phát triển được quy mô tín dụng.

Để thực hiện được giải pháp này, một số công tác đặt ra trong giai đoạn hiện nay của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi là:

- Đối với khách hàng cũ, gắn bó lâu dài, khách hàng truyền thống thường xuyên quan hệ với NH:

- Đối với khách hàng có quan hệ tín dụng với NH nhưng chưa thường xuyên:

- Đối với khách hàng có nhu cầu vốn để làm KTTT, nhưng chưa được vay vốn tại NH hoặc đang vay vốn tại các NH khác:

### **3.2.2. Tiếp tục phát triển mạng lưới hoạt động một cách hợp lý**

Phát triển mạng lưới rộng khắp, phù hợp và thuận lợi cho khách hàng là một điều kiện quan trọng để khách hàng tiếp cận với nguồn vốn NH, việc làm này vừa góp phần thu hút khách hàng mới đến vay vốn tại NH, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng cũ, giúp duy trì và khai thác tiềm năng từ nhóm khách hàng này, qua đó phát triển quy mô tín dụng. Để làm được điều đó, NH cần chú trọng:

- + Tiếp tục nghiên cứu để mở rộng mạng lưới phòng giao dịch hoặc điểm giao dịch để thực hiện cung ứng.

- + Bố trí thêm hoặc mở rộng thêm mạng lưới phòng giao dịch tại các địa bàn, khu vực, huyện có tiềm năng phát triển KTTT.

+ Phát triển dự án NH lưu động.

Việc mở rộng mạng lưới phải được thực hiện đồng thời với việc sắp xếp, cơ cấu lại mạng lưới nhằm đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đảm bảo yêu cầu phát triển ổn định, bền vững.

### **3.2.3. Thực hiện đa dạng nhiều hình thức đảm bảo tiền vay**

Phân tích thực trạng cho vay KTTT cho thấy tỷ trọng cho vay theo hình thức có tài sản bảo đảm chiếm đến trên 70% trong tổng cho vay KTTT. Mặt khác, đặc điểm của KTTT trong khu vực là tài sản bảo đảm hạn chế hoặc có nhưng không đầy đủ các yếu tố pháp lý do vậy rất khó cho việc đảm bảo tiền vay.

Chính sách bảo đảm tiền vay cần được hoàn thiện theo hướng đa dạng hóa hình thức bảo đảm bằng tài sản. Ngoài bảo đảm bằng hình thức thế chấp bất động sản, cần tích cực áp dụng các hình thức khác như: bảo đảm bằng cầm cố động sản; bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bằng bảo đảm của bên thứ ba, bảo đảm bằng hợp đồng tiêu thụ sản phẩm...Ngoài ra, cần nâng cao tỷ trọng cho vay tín chấp.

### **3.2.4. Thực hiện cho vay phù hợp về thời hạn**

Trong công tác cho vay hiện nay, một hạn chế cần khắc phục, là việc tính toán, xác định thời hạn cho vay đối với một số khoản vay còn chưa hợp lý, chưa phù hợp. Một số chi nhánh không đủ nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vay vốn trung và dài hạn của khách hàng.

Công tác cho vay của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi cần xác định nhu cầu vốn của các trang trại, căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh, chu kỳ SX kinh doanh, đối tượng đầu tư để có thời hạn cho vay phù hợp với nhu cầu SX của khách hàng.

Đồng thời, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của khách hàng. Muốn vậy, công việc đặt ra cho chi nhánh trong giai đoạn hiện nay là:

- Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo cho đội ngũ nhân viên.

- Ngoài ra, NH cần đa dạng hóa hình thức huy động vốn nhằm thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi, để tăng vốn tín dụng cho vay trung hạn, dài hạn giúp trang trại tháo gỡ khó khăn, có đủ nguồn vốn đầu tư cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới,...

### **3.2.5. Đa dạng hóa cơ cấu cho vay theo ngành**

Hiện nay cơ cấu cho vay theo ngành tại NH là cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn so với các ngành còn lại. Trong thực tế, tiềm năng các ngành nghề khác trên địa bàn như lâm nghiệp, thủy sản, SXKD là rất lớn. NH cần khai thác tiềm năng, tăng cường cho vay đối với những ngành nghề này. Do đó, nhiệm vụ đặc ra đối với NH trong giai đoạn tới là đa dạng hóa nhiều loại đối tượng cho vay; tăng cường đầu tư vào các trang trại trồng cây công nghiệp, trang trại SX nông lâm kết hợp gắn với chăn nuôi bò cao sản. Ngoài ra, cần đẩy mạnh hoạt động tài trợ xuất khẩu với lãi suất ưu đãi từ nguồn tái cấp vốn của NHNN cho các trang trại thu mua, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản có nguồn thu ngoại tệ bán cho NH, cho vay gắn với sử dụng dịch vụ NH.

### **3.2.6. Hoàn thiện chính sách lãi suất**

Một nguyên nhân dẫn đến việc tiếp cận nguồn vốn vay của các chủ trang trại tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi hiện nay còn gặp khó khăn đó là vấn đề lãi suất. Do đó, yêu cầu đặt ra đối với NH hiện nay là hoàn thiện chính sách lãi suất vừa đảm bảo kết quả kinh doanh của NH vừa tạo điều kiện cho khách hàng. Cụ thể NH cần phải áp dụng tốt các chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất.

Ngoài ra, đặc điểm cho vay KTTT của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi là có chi phí cao nên phù hợp với khách hàng KTTT. Do đó, chỉ có giải pháp tiết kiệm chi phí hoạt động để có điều kiện giảm lãi suất để qua đó có khả năng tăng quy mô cho vay, tăng số lượng khách hàng vay. Nhằm tạo điều kiện cũng như giảm lãi suất cho vay, giải pháp đề ra cho NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi là cần phải tiết kiệm chi phí hoạt động cho NH như:

- Tiết kiệm chi phí huy động vốn
- Tiết kiệm về hoạt động nội bộ
- Tăng cường thu ngoài tín dụng

### **3.2.7. Hình thành phương thức cho vay qua tổ hợp tác trang trại.**

Hợp tác là một xu thế, một nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Kinh nghiệm ở các nước phát triển KTTT cho thấy việc thành lập tổ hợp tác trang trại đã tập trung, động viên được mọi nguồn lực của các chủ trang trại, theo mô hình này, cứ từ 5 đến 7 trang trại tự nguyện kết hợp lại với nhau thành Tổ hợp tác, trong đó chủ trang trại SX kinh doanh giỏi nhất hoặc có uy tín nhất làm tổ trưởng. Tổ hợp tác này sẽ hợp tác với nhau để vay vốn NH, giúp đỡ nhau trả nợ, giám sát nhau, giúp đỡ nhau SX kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm. Với hình thức cho vay này, sẽ khắc phục được tình trạng bất cập trong việc thế chấp tài sản khi vay vốn NH.

Tuy nhiên, ở nước ta thì việc thành lập tổ hợp tác còn hạn chế. Vì vậy, công việc đặt ra cho NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi hiện nay là khuyến khích, động viên khách hàng thành lập tổ hợp tác KTTT, hình thành phương thức cho vay thông qua Tổ hợp tác.

### **3.2.8. Tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay KTTT**

Để mở rộng cho vay, ngoài việc phát triển quy mô tín dụng, đảm bảo hiệu quả tín dụng, một yêu cầu cần thiết là phải kiểm soát rủi ro trong cho vay. Vì vậy, để tăng cường công tác kiểm soát rủi ro tín dụng NH cần phải:

- Thường xuyên cập nhật các thông tin về kinh tế kỹ thuật, các thông tin về dự báo phát triển của ngành, giá cả thị trường của các loại sản phẩm... để phục vụ cho công tác thẩm định và quyết định phê duyệt cho vay.

- Nâng cao chất lượng thẩm định và tuân thủ nghiêm túc quy trình xét duyệt cho vay.

- Đối với các khách hàng có dư nợ lớn, định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng, CBTD phải trực tiếp làm việc để nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề vướng mắc phát sinh (nếu có).

- Bám sát địa bàn, rà soát lại các khoản nợ có vấn đề, tài sản thế chấp không đảm bảo, khách hàng hoạt động kinh doanh thua lỗ để có biện pháp xử lý phù hợp.

- Phân cấp quản lý tín dụng theo trình độ, năng lực, kinh nghiệm công tác của mỗi cán bộ.

- Nâng cao chất lượng của công tác nhận dạng rủi ro tín dụng trong cho vay KTTT bằng cách áp dụng những phương pháp nhận dạng rủi ro tiên tiến.

### **3.2.9. Các giải pháp hỗ trợ:**

*a. Tăng cường công tác huy động vốn.*

*b. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho vay KTTT.*

## **3.3. KIẾN NGHỊ**

**3.3.1. Đối với chính phủ**

**3.3.2. Đối với chính quyền địa phương tỉnh**

**3.3.3. Đối với NHNo&PTNT Việt Nam**



## KẾT LUẬN

Kinh tế Việt Nam đang phát triển và từng bước hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, sự đóng góp của các hình thức tổ chức SX trong đó có Kinh tế trang trại là hết sức quan trọng. Quảng Ngãi với đặc thù tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp lớn, dân cư chủ yếu tập trung ở nông thôn, vì thế phát triển kinh tế trang trại là biện pháp bền vững để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của Tỉnh.

Để tạo điều kiện cho kinh tế trang trại phát triển, hàng loạt chính sách đã được nghiên cứu, đề xuất nhằm hỗ trợ cho loại hình kinh tế này phát triển ở Quảng Ngãi. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển kinh tế trang trại của Tỉnh cũng còn nhiều tồn tại, vướng mắc cần tiếp tục được tháo gỡ trong đó có vấn đề cho vay của các NHTM.

Luận văn đề tài: “ Mở rộng cho vay Kinh tế trang trại tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi” được tác giả lựa chọn và nghiên cứu nhằm phát huy hơn những thành quả trong đầu tư tín dụng mà NH đã đạt được trong thời gian qua cũng như đưa ra các giải pháp để hạn chế đến mức thấp nhất những tồn tại còn tiềm ẩn, góp phần vào sự phát triển chung của kinh tế xã hội tại địa phương.

Quá trình nghiên cứu luận văn này tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu, khảo sát, đặc biệt là phân tích thực trạng hoạt động cho vay KTTT của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, đã được kết quả nghiên cứu sau:

1. Hệ thống hóa các vấn đề về hoạt động cho vay của ngân hàng, làm rõ vai trò của kinh tế trang trại và sự đóng góp của hình thức SX này trong việc phát triển kinh tế. Phân tích những đặc điểm cho vay KTTT, nội dung mở rộng cho vay KTTT, các nhân tố ảnh hưởng để quá trình mở rộng cho vay KTTT.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi căn cứ vào các tiêu chí và cơ sở lý luận đã đề xuất ở chương 1. Qua đó, đánh giá thực trạng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT nhánh tỉnh Quảng Ngãi, phân tích những điểm yếu, điểm mạnh, tồn tại và các nguyên nhân chủ yếu có liên quan đến cho vay KTTT trong thời gian qua và từ đó rút ra các nhận định làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp ở chương

3. Luận văn đề xuất các giải pháp nhằm giúp cho việc cho vay KTTT ngày càng phát triển mạnh và bền vững, đặc biệt là góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đầu tư của NH. Đồng thời có những kiến nghị nhằm mở rộng cho vay KTTT tại NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi ngày càng tốt hơn.

Những nghiên cứu, phân tích, đánh giá của đề tài đều dựa vào cơ sở luận điểm chung cũng như thực trạng mở rộng cho vay KTTT của NHNo&PTNT chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi trong những năm qua. Tuy vậy đây cũng là vấn đề đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành tại địa phương nên có tránh khỏi những hạn chế.

Do trình độ và phương pháp nghiên cứu còn hạn chế, tác giả đã gặp phải những khó khăn nhất định trong việc thu thập, chỉnh lý và tổng hợp số liệu. Mong nhận được sự góp ý của quý Thầy, Cô và những người quan tâm nhằm hoàn thiện hơn nữa luận văn này.